

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGTVT ngày / /2022 của Sở Giao thông vận tải Ninh Bình)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Chi tiêu	Kinh phí giao năm 2022			Ghi chú
		Dự toán giao tại Quyết định số 2296/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2021	Điều chỉnh, tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh tại Quyết định số 1084/QĐ-BGTVT ngày 09/8/2022	
1	2	3	4	5	6
	Kinh phí sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (Loại 280-292): Công tác bảo trì hệ thống quốc lộ	57,588,332	-2,701,433	54,886,899	
	<i>Chi tiết</i>				
A	BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN	6,522,852	0	6,522,852	
1	Quốc lộ 12B	509,894	0	509,894	
2	Quốc lộ 12B kéo dài	1,964,629	0	1,964,629	
3	Quốc lộ 38B	707,628	0	707,628	
4	Quốc lộ 45	436,566	0	436,566	
5	Đường nối QL1 ra cảng Ninh Phúc	1,574,477	0	1,574,477	
6	Quốc lộ 21B	1,329,658	0	1,329,658	
B	SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ	51,065,480	-2,701,433	48,364,047	Điều chỉnh giảm phân kỳ nguồn
1	Quốc lộ 21B	15,162,504	-465,000	14,697,504	
<i>a</i>	<i>Công trình chuyển tiếp:</i>	<i>12,372,504</i>	<i>0</i>	<i>12,372,504</i>	
-	Cải tạo sửa chữa phà Quang Thiện, QL21B tỉnh NB	4,086,216	0	4,086,216	
-	Đóng mới, sửa chữa, hoán cải phương tiện Phà Quang Thiện, QL.21B, tỉnh Ninh Bình	4,535,808	0	4,535,808	

TT	Chỉ tiêu	Kinh phí giao năm 2022			Ghi chú
		Dự toán giao tại Quyết định số 2296/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2021	Điều chỉnh, tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh tại Quyết định số 1084/QĐ-BGTVT ngày 09/8/2022	
-	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km187+800 - Km189+000, QL.21B, tỉnh Ninh Bình	429,493	0	429,493	
-	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn, gia cố lề; sửa chữa các vị trí cầu, cống đoạn từ Km162+470 - Km166+050; Km168 - Km168+900; Km169+900 - Km172+100; sửa chữa, hoàn thiện hệ thống rãnh dọc, hệ thống ATGT đoạn Km162+470 - Km166+080, QL.21B, tỉnh Ninh Bình	3,320,987	0	3,320,987	
b	Công trình mới	2,790,000	-465,000	2,325,000	
-	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường đoạn Km183+100 - Km183+900; sửa chữa hệ thống ATGT đoạn Km183+100 - Km183+300, Km185+900 - Km186+100; sửa chữa hư hỏng cầu Phương Nại Km172+110 và cầu Lồng Km175+650; sửa chữa hoàn thiện hệ thống cọc H, cột Km, Quốc lộ 21B, tỉnh Ninh Bình	2,790,000	-465,000	2,325,000	
2	Quốc lộ 45	253,137	0	253,137	
	Công trình chuyển tiếp:	253,137	0	253,137	
-	Sửa chữa các điểm mất ATGT tại Km2+200 - km3+00, km3+250 - km3+350; sửa chữa ĐBGT đoạn Km7+00 - km9+00; sửa chữa hệ thống thoát nước Km6+500-km7+200(PT); Km6+100-km7+200(TT)	76,589	0	76,589	
-	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km0+00 - Km1+00, QL.45, tỉnh Ninh Bình	176,548	0	176,548	
3	Quốc lộ 38B	12,711,857	-1,002,882	11,708,976	
a	Công trình chuyển tiếp:	154,591	0	154,591	
-	Cải tạo điểm tiềm ẩn mất ATGT đoạn Km123+850 - Km123+950; Km126+300 - Km126+500; Km126+750 - Km126+850; Bổ sung hệ thống cảnh báo ATGT tại đường cong Km128+500, QL.38B, tỉnh NB	154,591	0	154,591	

TT	Chỉ tiêu	Kinh phí giao năm 2022			Ghi chú
		Dự toán giao tại Quyết định số 2296/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2021	Điều chỉnh, tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh tại Quyết định số 1084/QĐ-BGTVT ngày 09/8/2022	
b	Công trình mới	12,557,266	-1,002,882	11,554,385	
-	Gia cố lề đoạn Km123+950 - Km124+950, Quốc lộ 38B, tỉnh Ninh Bình	2,093,301	-348,884	1,744,418	
-	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường các đoạn Km139+00 - Km140+144; Km141+290 - Km142+845; Sửa chữa hệ thống thoát nước đoạn Km141+300 - Km141+620 (PT), Km141+620 - Km142+800 (2 bên); Cải tạo điểm tiềm ẩn mất ATGT đoạn Km138+200 - Km138+700; Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT đoạn Km117+475 - Km117+967; Km122+467 - Km122+650; hoàn thiện hệ thống cọc H, cột Km toàn tuyến, Quốc lộ 38B, tỉnh Ninh Bình	10,463,965	-653,998	9,809,967	
4	Quốc lộ 12B kéo dài	11,512,800	-525,800	10,987,000	
	Công trình mới	11,512,800	-525,800	10,987,000	
-	Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống phòng hộ ATGT bằng hộ lan tôn sóng (phải tuyến) cục bộ đoạn Km10+200 - Km15+700, Quốc lộ 12B kéo dài, tỉnh Ninh Bình	4,676,400	-525,800	4,150,600	
-	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, gia cố lề đoạn Km18+500 - Km20; xây dựng rãnh thoát nước đoạn Km18+500 - Km20 (phải tuyến), Quốc lộ 12B kéo dài, tỉnh Ninh Bình	6,836,400	0	6,836,400	
5	Đường nối QL1 ra cảng Ninh Phúc	11,425,182	-707,752	10,717,430	
a	Công trình chuyển tiếp:	101,160	0	101,160	
-	Sơn kẻ mặt đường đoạn từ Km0+500 - Km6+414 (2 bên), đường nối QL.1 với cảng Ninh Phúc, tỉnh Ninh Bình	30,782	0	30,782	
-	Sửa chữa đột xuất hằn lún vệt bánh xe (Km0 - Km0+500), đèn tín hiệu giao thông và hệ thống an toàn giao thông khu vực nút giao Km0+00 (giao với QL.1), đường nối QL.1 với cảng Ninh Phúc, tỉnh Ninh Bình	70,378	0	70,378	
b	Công trình mới	11,324,022	-707,752	10,616,270	

TT	Chỉ tiêu	Kinh phí giao năm 2022			Ghi chú
		Dự toán giao tại Quyết định số 2296/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2021	Điều chỉnh, tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh tại Quyết định số 1084/QĐ-BGTVT ngày 09/8/2022	
-	Sửa chữa hấn lún vệt bánh xe đoạn Km0+500 - Km0+800, Km4+400 - Km5+550 (trái tuyến); sơn kẻ mặt đường đoạn Km6+414 - Km7+710, đường nối QL1 với cảng Ninh Phúc, tỉnh Ninh Bình	11,324,022	-707,752	10,616,270	

